

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *03* /2022/QĐ-UBND

Cao Bằng, ngày *13* tháng 01 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế phối hợp trong công tác theo dõi tình hình
thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh Cao Bằng**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật; Nghị định số 32/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 14/2014/TT-BTP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23/7/2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật; Thông tư số 04/2021/TT-BTP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật và Nghị định số 32/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2012/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp trong công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 01 năm 2022 và thay thế Quyết định số 21/2016/QĐ-UBND ngày 27 tháng 9 năm 2016 của

Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng ban hành Quy chế phối hợp trong công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp, thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

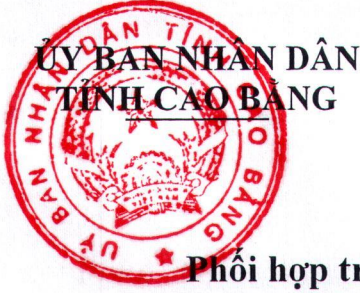
- Như Điều 3;
- Bộ Tư pháp;
- TT.HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Trung tâm TT, VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NC.



**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Hoàng Xuân Ánh



ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

Phối hợp trong công tác theo dõi tình hình thi hành

pháp luật trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

(Kèm theo Quyết định số 03 /2022/QĐ-UBND ngày 13 tháng 01 năm 2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định về nguyên tắc, nội dung, trách nhiệm phối hợp của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

2. Quy chế này áp dụng đối với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh (sau đây viết tắt là các sở, ban, ngành); Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố (sau đây viết tắt là UBND cấp huyện) và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

3. Các nội dung không được quy định tại Quy chế này được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23/7/2012 của Chính phủ về theo dõi thi hành pháp luật (sau đây viết tắt là Nghị định số 59/2012/NĐ-CP), Nghị định số 32/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2012/NĐ-CP (sau đây viết tắt là Nghị định số 32/2020/NĐ-CP), Thông tư số 14/2014/TT-BTP ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp Quy định chi tiết thi hành Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23/7/2012 của Chính phủ về theo dõi thi hành pháp luật (sau đây viết tắt là Thông tư số 14/2014/TT-BTP), Thông tư số 04/2021/TT-BTP ngày 21/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Nghị định số 59/2012/NĐ-CP và Nghị định số 32/2020/NĐ-CP (sau đây viết tắt là Thông tư số 04/2021/TT-BTP) và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 2. Nguyên tắc phối hợp

1. Tuân thủ quy định của pháp luật.
2. Thường xuyên, kịp thời và hiệu quả.
3. Đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ giữa các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện và các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật; không trùng lặp, chồng chéo với các hoạt động thuộc phạm vi, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan nhà nước đã được pháp luật quy định.

4. Khách quan, công khai, minh bạch; thường xuyên, toàn diện, có trọng tâm, trọng điểm.

Điều 3. Nội dung phối hợp

1. Phối hợp trong việc xây dựng, ban hành kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật.
2. Phối hợp thu thập, tiếp nhận, xử lý thông tin về tình hình thi hành pháp luật.
3. Phối hợp trong hoạt động kiểm tra tình hình thi hành pháp luật.
4. Phối hợp trong việc điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật
5. Phối hợp trong xem xét, đánh giá về tình hình tuân thủ pháp luật.
6. Phối hợp xem xét, đánh giá và xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

Chương II

TRÁCH NHIỆM PHỐI HỢP CỦA CÁC SỞ, BAN, NGÀNH, ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN

Điều 4. Phối hợp trong việc xây dựng, ban hành kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật

1. Sở Tư pháp

Căn cứ kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật do Thủ tướng Chính phủ ban hành và thực tiễn thi hành pháp luật trong phạm vi quản lý ở địa phương, Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tham mưu xây dựng và trình UBND tỉnh kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật của tỉnh trước ngày 30 tháng 01 của năm kế hoạch.

2. Các sở, ban, ngành

a) Phối hợp với Sở Tư pháp xây dựng dự thảo kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật của tỉnh.

b) Căn cứ kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật của UBND tỉnh và thực tiễn thi hành pháp luật, ban hành kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật của đơn vị.

3. UBND cấp huyện, UBND cấp xã

Ban hành kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật của địa phương.

4. Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Mục đích, yêu cầu.

- b) Lĩnh vực pháp luật theo dõi, đánh giá.
- c) Các hoạt động theo dõi thi hành pháp luật và tiến độ thực hiện.
- d) Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức trong việc thực hiện kế hoạch.
- đ) Kinh phí thực hiện kế hoạch.

Điều 5. Phối hợp thu thập, tiếp nhận, xử lý thông tin về tình hình thi hành pháp luật

1. Sở Tư pháp

a) Có trách nhiệm giúp UBND tỉnh thu thập, tiếp nhận, xử lý thông tin về tình hình thi hành pháp luật trong phạm vi quản lý theo các nguồn quy định tại khoản 3 Điều 6 Thông tư số 04/2021/TT-BTP.

b) Nghiên cứu, phân tích, so sánh, đối chiếu và đánh giá thông tin về tình hình thi hành pháp luật thuộc thẩm quyền xử lý.

c) Trường hợp cần làm rõ tính chính xác, khách quan của thông tin đã được thu thập, tiếp nhận có trách nhiệm yêu cầu tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin, giải trình bằng văn bản những vấn đề liên quan; tiến hành kiểm tra, xác minh thực tế (nếu thấy cần thiết).

2. Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện

Phối hợp với Sở Tư pháp thực hiện các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Thông tin về tình hình thi hành pháp luật bao gồm những thông tin có nội dung quy định tại Điều 7, Điều 8, Điều 9 và Điều 10 Nghị định số 59/2012/NĐ-CP.

Điều 6. Phối hợp trong hoạt động kiểm tra tình hình thi hành pháp luật

1. Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan xây dựng, trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định thành lập đoàn kiểm tra liên ngành kiểm tra việc thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật, kiểm tra tình hình thi hành pháp luật thuộc lĩnh vực trọng tâm, liên ngành theo kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật hằng năm.

2. Các sở, ban, ngành

a) Phối hợp với Sở Tư pháp trong hoạt động kiểm tra tình hình thi hành pháp luật theo quy định tại khoản 1 Điều này.

b) Cử đại diện tham gia hoạt động kiểm tra việc thi hành pháp luật theo yêu cầu của cơ quan, người có thẩm quyền.

3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân là đối tượng kiểm tra có trách nhiệm báo cáo bằng văn bản, cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan; giải trình những vấn đề thuộc nội dung kiểm tra; tạo điều kiện thuận lợi để đoàn kiểm tra hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 7. Phối hợp trong việc điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật

1. Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan thực hiện hoạt động điều tra, khảo sát theo kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật, khi có những khó khăn, vướng mắc, bất cập trong thực tiễn thi hành hoặc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền.

2. Nội dung điều tra, khảo sát thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Thông tư số 04/2021/TT-BTP. Việc tiến hành điều tra, khảo sát thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 5 Thông tư số 04/2021/TT-BTP.

3. Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện phối hợp thực hiện điều tra, khảo sát nội dung quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

Điều 8. Phối hợp trong xem xét, đánh giá về tình hình tuân thủ pháp luật

1. Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện

Thực hiện xem xét, đánh giá tình hình tuân thủ pháp luật theo các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư 14/2014/TT-BTP, gửi Sở Tư pháp để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, xử lý hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý.

2. Sở Tư pháp

Phân tích, xem xét, tổng hợp các kiến nghị được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 5 Thông tư số 14/2014/TT-BTP, báo cáo UBND tỉnh xem xét, xử lý hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý.

Điều 9. Phối hợp xem xét, đánh giá và xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật

1. Sở Tư pháp

a) Trên cơ sở kết quả thu thập thông tin, kết quả kiểm tra, điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật và các nguồn thông tin khác, chủ trì tham mưu UBND tỉnh thực hiện việc xem xét, đánh giá tình hình thi hành pháp luật và tổng hợp vào báo cáo công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật hằng năm, gửi cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

b) Tham mưu cho UBND tỉnh tiến hành các hoạt động xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý theo các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định 59/2012/NĐ-CP, khoản 5 Điều 1 Nghị định số 32/2020/NĐ-CP.

2. Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện

Phối hợp với Sở Tư pháp thực hiện các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 10. Sự tham gia, phối hợp của các tổ chức, cá nhân trong theo dõi tình hình thi hành pháp luật

1. Đề nghị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh cung cấp thông tin về tình hình thi hành pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân thông qua hoạt động công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp, xét xử.

2. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên cung cấp thông tin, kiến nghị của nhân dân thông qua hoạt động giám sát tình hình thi hành pháp luật.

3. Hội Luật gia tỉnh, Đoàn luật sư tỉnh cung cấp ý kiến, kiến nghị của các luật gia, luật sư về các vấn đề pháp lý liên quan đến tình hình thi hành pháp luật.

4. Các hội nghề nghiệp cung cấp ý kiến, kiến nghị của các doanh nghiệp, các hội viên về tính kịp thời, đầy đủ trong thi hành pháp luật của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; tính chính xác, thống nhất trong hướng dẫn áp dụng pháp luật và trong áp dụng pháp luật của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; tính thống nhất, đồng bộ, khả thi của văn bản pháp luật và các vấn đề có liên quan khác.

5. Các cơ quan thông tin đại chúng cung cấp ý kiến phản ánh của dư luận xã hội về tình hình thi hành pháp luật đến các cơ quan, đơn vị có thẩm quyền bằng các hình thức phù hợp.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Chế độ báo cáo

1. Báo cáo công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật định kỳ hàng năm

a) Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện tổng hợp, xây dựng báo cáo công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong phạm vi địa phương, lĩnh vực được phân công quản lý gửi về Sở Tư pháp trước ngày 05 tháng 12 của kỳ báo cáo.

b) Sở Tư pháp tổng hợp, xây dựng báo cáo công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh, trình UBND tỉnh để báo cáo Bộ Tư pháp trước ngày 10 tháng 12 của kỳ báo cáo.

c) Thời gian chốt số liệu báo cáo định kỳ hàng năm tính từ ngày 01 tháng 12 của năm trước kỳ báo cáo đến ngày 30 tháng 11 của kỳ báo cáo.

d) Nội dung báo cáo theo mẫu quy định tại Phụ lục I kèm theo Thông tư Thông tư số 04/2021/TT-BTP.

2. Báo cáo tình hình xử lý kiến nghị sửa đổi, bổ sung, ban hành mới văn bản quy phạm pháp luật

a) Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện có trách nhiệm phối hợp với Sở Tư pháp tham mưu cho UBND tỉnh báo cáo tình hình xử lý các kiến nghị về

việc sửa đổi, bổ sung, ban hành mới văn bản quy phạm pháp luật theo yêu cầu của cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền.

b) Nội dung báo cáo theo mẫu quy định tại Phụ lục II kèm theo Thông tư Thông tư số 04/2021/TT-BTP.

3. Báo cáo đột xuất, báo cáo theo chuyên đề tình hình thi hành pháp luật

a) Khi có yêu cầu của Bộ Tư pháp hoặc các cơ quan nhà nước có thẩm quyền, Sở Tư pháp có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện; Phòng Tư pháp có trách nhiệm phối hợp với các phòng, đơn vị chuyên môn tham mưu giúp UBND cùng cấp xây dựng báo cáo tình hình thi hành pháp luật theo chuyên đề hoặc báo cáo đột xuất theo yêu cầu.

b) Nội dung báo cáo theo yêu cầu của cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền.

Điều 12. Kinh phí thực hiện

1. Kinh phí cho công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật của cơ quan, đơn vị thuộc cấp nào do ngân sách nhà nước cấp đó bảo đảm và sử dụng trong dự toán ngân sách được giao hàng năm của đơn vị.

2. Việc thanh quyết toán kinh phí công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

Điều 13. Tổ chức thực hiện

1. Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện căn cứ chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền theo quy định của pháp luật có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Quy chế này.

2. Sở Tư pháp có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này; định kỳ tổng hợp kết quả thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh báo cáo UBND tỉnh và Bộ Tư pháp theo quy định.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên, Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân và các tổ chức khác có liên quan trên địa bàn tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ của mình phối hợp trong việc theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh.

Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn trong Quy chế này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo quy định của văn bản mới. Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện Quy chế, nếu có vấn đề phát sinh hoặc có khó khăn, vướng mắc các tổ chức, cá nhân phản ánh về Sở Tư pháp để kịp thời tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, giải quyết./.